

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định về phòng, chống dịch bệnh cho động vật thủy sản nuôi***Căn cứ Luật Thủy sản năm 2003;**Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;**Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28/11/2008 của Chính phủ về việc bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP;**Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,**Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về phòng, chống dịch bệnh cho động vật thủy sản nuôi.***Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về phòng, chống dịch bệnh cho động vật thủy sản nuôi (sau đây gọi tắt là thủy sản).

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài có hoạt động liên quan đến sản xuất, buôn bán, vận chuyển, sơ chế, chế biến thủy sản trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở nuôi* là nơi nuôi, giữ thủy sản bao gồm một hoặc nhiều ao, đầm, hồ, lồng, bè và các loại hình nuôi khác của tổ chức hoặc cá nhân.

2. *Ổ dịch* là cơ sở nuôi đang có thủy sản mắc bệnh thuộc Danh mục các bệnh thủy sản phải công bố dịch.

3. *Vùng có dịch* là vùng có nhiều ổ dịch đã được cơ quan chuyên ngành thú y thủy sản có thẩm quyền xác định.

4. *Bệnh mới* là bệnh thủy sản mới xuất hiện ở Việt Nam, chưa có trong Danh mục các bệnh thủy sản phải công bố dịch, có khả năng lây lan nhanh trên phạm vi rộng, gây chết nhiều thủy sản.

5. *Thủy sản mắc bệnh* là thủy sản nhiễm mầm bệnh và có triệu chứng, bệnh tích điển hình của bệnh đó.

6. *Thủy sản nghi mắc bệnh* là thủy sản có triệu chứng, bệnh tích của bệnh ở trong ổ dịch nhưng chưa xác định được mầm bệnh hoặc ở cơ sở nuôi khác nằm trong vùng có dịch mà chưa có biểu hiện triệu chứng của bệnh.

7. *Thủy sản nhiễm bệnh* là thủy sản có biểu hiện khác thường nhưng chưa có triệu chứng điển hình của bệnh.

8. *Thủy sản nghi nhiễm bệnh* là thủy sản dễ nhiễm bệnh sống trong cùng một vùng nước với thủy sản nhiễm bệnh hoặc thủy sản nghi mắc bệnh.

Điều 3. Nguyên tắc phòng, chống và báo cáo dịch bệnh thủy sản

1. Phòng bệnh là chính, dựa trên cơ sở quan trắc môi trường, giám sát dịch bệnh kết hợp với thông tin, tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh.

2. Các hoạt động phòng, chống dịch bệnh phải đảm bảo chủ động, tích cực, kịp thời và hiệu quả.

3. Việc thu thập, lưu trữ, báo cáo thông tin dịch bệnh và diện tích nuôi trồng thủy sản phải được thực hiện kịp thời, chính xác và đầy đủ theo hướng dẫn của Cục Thú y.

Điều 4. Chế độ báo cáo dịch bệnh

1. Báo cáo đột xuất ổ dịch:

a) Chủ cơ sở nuôi, người phát hiện thủy sản mắc bệnh, nghi mắc bệnh thuộc Danh mục các bệnh thủy sản phải công bố dịch hoặc bệnh mới phải báo cáo người phụ trách công tác thú y xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là người phụ trách công tác thú y cấp xã) và Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan chuyên ngành thú y thủy sản nơi gần nhất;

b) Người phụ trách công tác thú y cấp xã có trách nhiệm đến nơi có thủy sản mắc bệnh, nghi mắc bệnh để xác định thông tin và báo cáo cơ quan chuyên ngành thú y thủy sản cấp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi là Trạm Thú y) và Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Trạm Thú y báo cáo Chi cục Thú y hoặc cơ quan chuyên ngành thú y thủy sản cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thú y) và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Chi cục Thú y báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y;

đ) Cơ quan Thú y vùng: báo cáo cho Cục Thú y;

e) Cục Thú y báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về diễn biến ổ dịch;

g) Báo cáo về ổ dịch hoặc bệnh mới của tổ chức, cá nhân được quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e của khoản này phải được thực hiện trong vòng 48 giờ đối với các xã vùng đồng bằng hoặc 72 giờ đối với các xã vùng sâu, vùng xa, khi dịch xảy ra ở phạm vi rộng, kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông tin thủy sản mắc bệnh, nghi mắc bệnh.

2. Báo cáo cập nhật tình hình dịch:

a) Báo cáo cập nhật tình hình dịch được áp dụng đối với ổ dịch đã được Chi cục Thú y xác nhận;

b) Báo cáo phải được thực hiện trước 16:00 giờ hàng ngày cho đến khi kết thúc đợt dịch, kể cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ;

c) Trạm Thú y báo cáo Chi cục Thú y và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Chi cục Thú y báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y.

3. Báo cáo điều tra ổ dịch:

a) Báo cáo điều tra ổ dịch được áp dụng trong trường hợp ổ dịch đã được cơ quan chuyên ngành thú y thủy sản có thẩm quyền xác định là bệnh thuộc Danh mục các bệnh thủy sản phải công bố dịch hoặc bệnh mới;

b) Nội dung báo cáo điều tra ổ dịch và thu thập các thông tin được thực hiện theo biểu mẫu;

c) Chi cục Thú y có trách nhiệm báo cáo kết quả điều tra ổ dịch cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi kết thúc điều tra ổ dịch.

4. Báo cáo kết thúc ổ dịch: trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi kết thúc ổ dịch theo quy định của pháp luật, Chi cục Thú y có trách nhiệm báo cáo tổng kết ổ dịch, đánh giá kết quả phòng, chống dịch bệnh.

5. Báo cáo bệnh mới:

a) Chi cục Thú y báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y về diễn biến lây lan dịch bệnh;

b) Cục Thú y báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về diễn biến tình hình dịch bệnh.

6. Báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo tháng: số liệu tổng hợp để báo cáo được tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng. Báo cáo phải được thực hiện dưới hình thức văn bản và file điện tử, cụ thể như sau: Trạm Thú y báo cáo Chi cục Thú y trước ngày 10 của

tháng tiếp theo; Chi cục Thú y báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y trước ngày 15 của tháng tiếp theo;

- b) Báo cáo quý được thực hiện trong tuần đầu tiên của quý tiếp theo;
- c) Báo cáo 06 (sáu) tháng đầu năm được thực hiện trước ngày 15 tháng 7;
- d) Báo cáo năm được thực hiện trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo;

đ) Nội dung báo cáo định kỳ được thực hiện theo biểu mẫu do Cục Thú y ban hành, bao gồm: dịch bệnh (phải được phân tích theo không gian, thời gian và đối tượng mắc bệnh: chi tiết theo từng bệnh và đối tượng nuôi cụ thể), nhận định tình hình dịch bệnh, các biện pháp phòng chống dịch đã triển khai, những tồn tại, khó khăn, các biện pháp sẽ thực hiện, đề xuất và kiến nghị.

7. Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh:

a) Chi cục Thú y báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y kết quả giám sát, dự báo dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh của địa phương;

b) Cục Thú y báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả giám sát, dự báo dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên phạm vi toàn quốc;

c) Thời điểm báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh trong vòng 10 (mười) ngày, kể từ thời điểm kết thúc chương trình giám sát.

Chương II PHÒNG BỆNH

Điều 5. Xây dựng và triển khai Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản

Hàng năm, Chi cục Thú y chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo các bước sau:

1. Đánh giá hiện trạng nuôi trồng thủy sản của địa phương trong năm.
2. Phân tích kết quả giám sát dịch bệnh thủy sản của năm trước và tổ chức điều tra bổ sung ở các cơ sở sản xuất thủy sản giống, cơ sở nuôi thủy sản (nếu cần) phục vụ cho việc lập kế hoạch cho năm tiếp theo.
3. Phân tích, đánh giá kết quả quan trắc, cảnh báo môi trường; các nguồn nước chính cung cấp cho vùng nuôi, thời điểm thường xuất hiện bệnh dịch hàng năm để xác định vị trí, thời gian thu mẫu thủy lý, thủy hóa và mẫu vi sinh vật, các vật chủ trung gian; các yếu tố nguy cơ liên quan đến quá trình phát sinh, lây lan dịch bệnh thủy sản ở địa phương; các chỉ tiêu dịch tễ và chỉ tiêu liên quan cần xét nghiệm nhằm xác định mức độ nguy cơ phát sinh, dự báo khả năng phát sinh, lây lan dịch bệnh thủy sản tại địa phương.

4. Xác định các nguồn lực cần thiết, bao gồm: nhân lực, vật lực, tài chính để triển khai các biện pháp phòng, chống, hỗ trợ chủ cơ sở nuôi giám sát môi trường, dịch bệnh, cả khi dịch bệnh xảy ra nhưng chưa đủ điều kiện công bố dịch và khi công bố dịch.

5. Căn cứ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn Việt Nam về giám sát, điều tra dịch bệnh, điều kiện vệ sinh môi trường nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, nuôi trồng thủy sản để đề xuất các chỉ tiêu, tần suất, vị trí thu mẫu, số lượng mẫu thủy sản, môi trường.

6. Xây dựng Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh với các nội dung theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

7. Báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề Sở trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản.

8. Tổ chức triển khai Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản được phê duyệt.

9. Gửi Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản đã được phê duyệt đến Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y để phối hợp chỉ đạo và giám sát thực hiện.

10. Trong trường hợp có điều chỉnh Kế hoạch, Chi cục Thú y gửi Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản đã được điều chỉnh đến Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y.

Điều 6. Nội dung Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản

1. Quan trắc môi trường: các chỉ tiêu thủy lý, thủy hóa, tần suất, số lượng mẫu và vị trí lấy mẫu để phân tích.

2. Giám sát dịch bệnh gồm các nội dung: loài thủy sản được giám sát, địa điểm, thời gian, tần suất lấy mẫu, loại mẫu thủy sản, mẫu môi trường, số lượng mẫu, các thông tin liên quan và mầm bệnh cần xác định; khi có dịch bệnh xảy ra hoặc khi môi trường biến động bất thường cần phải lấy mẫu bệnh phẩm, mẫu môi trường để xét nghiệm phát hiện mầm bệnh.

3. Điều tra ổ dịch và các biện pháp chống dịch.

4. Dự trù về vật tư, hóa chất, kinh phí và nguồn nhân lực để triển khai các biện pháp phòng, chống, bao gồm hỗ trợ cho chủ cơ sở nuôi khi công bố dịch và cả khi dịch bệnh xảy ra nhưng chưa đủ điều kiện công bố dịch ở địa phương.

5. Dự trù các trang thiết bị cần đầu tư, bổ sung, hiệu chỉnh để phục vụ công tác chẩn đoán xét nghiệm, giám sát, điều tra ổ dịch, xây dựng bản đồ dịch tễ và phân tích số liệu.

6. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn cho người nuôi trồng thủy sản, người phụ trách công tác thú y cấp xã về chủ trương, chính sách, các quy định của nhà nước, các văn bản hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y thủy sản, nuôi trồng thủy sản.

7. Phân công trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản.